

CHÍNH PHỦ

Số : 12/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P300

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về hoạt động đo đạc và bản đồ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Nhằm bảo đảm sự thống nhất quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ trên phạm vi cả nước;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc triển khai và thống nhất quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên phạm vi cả nước.

Các hoạt động đo đạc và bản đồ ở đất liền, vùng trời và các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải tuân thủ Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Nghị định này được hiểu như sau :

1. Đo đạc là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị thu nhận thông tin và xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và các thông tin có liên quan của các đối tượng ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian. Các thể loại đo đạc bao gồm : đo đạc mặt đất, đo đạc đáy nước, đo đạc trọng lực, đo đạc ảnh, đo đạc hàng không, đo đạc vệ tinh, đo đạc hàng hải, đo đạc thiên văn, đo đạc vũ trụ.

2. Bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật thu nhận và xử lý các thông tin, dữ liệu từ quá trình đo đạc, khảo sát thực địa để biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu và màu sắc theo các quy tắc toán học nhất định. Các thể loại bản đồ bao gồm : bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ biển, bản đồ chuyên ngành và các loại bản đồ chuyên đề khác.

3. Hệ quy chiếu là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ; hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.

4. Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm : tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu; hệ thống này được xác định thống nhất cho cả nước; mỗi số liệu gốc đo đạc quốc gia được gắn với một điểm có dấu mốc cố định, lâu dài được gọi là điểm gốc đo đạc quốc gia.

5. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là các điểm có dấu mốc kiên cố trên thực địa được đo liên kết thành các mạng lưới nhằm mục đích xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại : tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn thống nhất phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương; hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

6. Hệ thống không ảnh là các loại ảnh chụp mặt đất và mặt biển từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm : hệ thống không ảnh cơ bản phục vụ thành lập hệ thống bản đồ địa hình quốc gia và hệ thống bản đồ nền, hệ thống không ảnh chuyên dụng phục vụ các mục đích khác.

7. Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia là hệ thống bản đồ địa hình thể hiện địa hình và địa vật của bề mặt trái đất trên cả đất liền và đáy biển, phủ trùm cả nước hoặc vùng lãnh thổ theo một số tỷ lệ nhất định.

8. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm :

a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, độ cao, độ sâu, thời gian, sau đây gọi chung là trạm quan trắc cố định;

b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;

c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc, sau đây gọi chung là cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc;

d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở, sau đây gọi chung là dấu mốc đo đạc.

9. Sản phẩm đo đạc là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu đã xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các tư liệu điều tra khảo sát khác có liên quan.

10. Sản phẩm bản đồ là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh, tập bản đồ, át-lát, sa bàn, bản đồ nổi, quả địa cầu được thành lập trên các loại vật liệu truyền thống hoặc trên các phương tiện kỹ thuật số. Ấn phẩm bản đồ là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

11. Nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc là hoạt động nghiên cứu về các đặc trưng hình học của trái đất bằng các phương pháp công nghệ đo đạc.

12. Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bao gồm sản phẩm đo đạc, sản phẩm bản đồ, kết quả nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc, sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ.

13. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ bao gồm các sản phẩm đo đạc trừ các vật kiến trúc thuộc công trình xây dựng đo đạc, sản phẩm bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất đai.

Điều 3. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức và cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức và cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức và cá nhân không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

6. Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm : đo đạc ở các thể loại; thành lập, xuất bản, phát hành các sản phẩm bản đồ; lưu trữ, cấp phát, trao đổi, thu nhận, truyền dẫn, phổ cập các thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ; nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đo đạc và bản đồ; đào tạo nghề nghiệp đo đạc và bản đồ.

2. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản là xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thành lập các sản phẩm đo đạc và bản đồ đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho các ngành và các địa phương bao gồm :

- a) Thiết lập hệ quy chiếu quốc gia và hệ thống số liệu gốc quốc gia;
- b) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia;
- c) Nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc;
- d) Xây dựng hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, hệ thống bản đồ nền, hệ thống bản đồ hành chính, hệ thống bản đồ địa lý tổng hợp;
- đ) Xây dựng hệ thống không ảnh cơ bản;
- e) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia trên cơ sở hệ thống bản đồ địa hình quốc gia và hệ thống bản đồ nền.

3. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành là việc thành lập các sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho từng ngành có nhu cầu hoặc từng địa phương bao gồm :

- a) Thiết lập hệ thống điểm đo đặc cơ sở chuyên dụng;
- b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;
- c) Xây dựng hệ thống bản đồ địa hình phục vụ mục đích chuyên dụng, hệ thống bản đồ địa chính và các hệ thống bản đồ chuyên đề;
- d) Xây dựng hệ thống thông tin địa lý chuyên dụng, hệ thống thông tin đất đai.

Điều 5. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức kinh tế, cá nhân khi tiến hành hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 21 của Nghị định này.
2. Tổ chức kinh tế, cá nhân có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi được phép và có đủ điều kiện chuyên môn, kỹ thuật về đo đạc và bản đồ đều được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 6. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định tại Luật xuất bản; khi xuất bản bản đồ, ngoài việc nộp lưu chiểu cho theo quy định, phải nộp 01 bản lưu chiểu cho cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ. Sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng và tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
2. Việc thành lập các loại sản phẩm bản đồ chuyên đề phải dựa vào các lớp thông tin nền lấy từ hệ thống bản đồ nền, bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ hành chính do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ thành lập, trong trường hợp cần sử dụng thông tin nền khác phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

Điều 7. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước

1. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng và chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao thực hiện bằng ngân sách nhà nước; tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm về chất lượng phần công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

2. Cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm cung cấp đúng, đủ và kịp thời các thông tin, tư liệu do mình đang quản lý.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước

Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được kiểm tra, thẩm định chất lượng theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này, trách nhiệm thực hiện được quy định như sau :

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện; các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ khác được Chính phủ giao.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành do mình thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng của địa phương mình.

4. Tổ chức sự nghiệp đo đạc và bản đồ có chức năng thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có nhiệm vụ thẩm định chất lượng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định.

5. Tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng thì được thực hiện kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư.

Điều 9. Bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của nhà nước, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và giáo dục mọi công dân ý thức bảo vệ các công trình này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ quy định cụ thể về việc quản lý sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

3. Mọi tổ chức, cá nhân không được tự tiện sử dụng công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

ở Trung ương hoặc cấp tỉnh theo phân cấp, trong quá trình sử dụng phải giữ gìn bảo vệ dấu mốc đo đạc, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

4. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các dấu mốc đo đạc, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ đo đạc phải làm biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng mốc tại thực địa cho cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) với sự có mặt của chủ sử dụng đất; sau khi hoàn thành toàn bộ dự án, chủ đầu tư phải bàn giao toàn bộ số lượng các dấu mốc kèm theo bản ghi chú điểm cho cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ theo phân cấp.

5. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có các dấu mốc đo đạc có trách nhiệm báo cáo cán bộ địa chính cấp xã khi tiến hành xây dựng hoặc cải tạo công trình trong trường hợp có ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

6. Sau khi nhận bàn giao các dấu mốc đo đạc, cán bộ địa chính cấp xã có trách nhiệm :

- a) Ghi vào sổ địa chính ở phần ghi chú về dấu mốc đo đạc trên thửa đất;
- b) Bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xô dịch hoặc di chuyển, không bị phá huỷ hoặc hư hỏng;
- c) Khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì cán bộ địa chính cấp xã phải báo cáo Sở Địa chính hoặc Sở Địa chính - Nhà đất (sau đây gọi chung là Sở Địa chính) trong thời gian sớm nhất.

7. Sở Địa chính có trách nhiệm :

- a) Chỉ rõ cho chủ sử dụng đất các dấu mốc đo đạc có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất tại thực địa cho tổ chức, cá nhân;
- b) Giải quyết hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ theo phân cấp quản lý dấu mốc đo đạc trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc để quyết định huỷ bỏ, gia cố hoặc di dời;
- c) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ về số lượng dấu mốc mới xây dựng trên phạm vi địa phương mình kèm theo bản thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

Điều 10. Lưu trữ, cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm :

a) Thống kê và thông báo công khai hiện trạng thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng trong cả nước theo định kỳ hàng năm;

b) Cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về hệ quy chiếu quốc gia; hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia; hệ thống không ảnh cơ bản và không ảnh phục vụ quản lý đất đai; hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ nền, bản đồ địa lý tổng hợp, bản đồ hành chính, bản đồ địa chính, bản đồ sử dụng đất; hệ thống cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về hệ quy chiếu, hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống không ảnh, hệ thống bản đồ địa hình và bản đồ chuyên đề, hệ thống cơ sở dữ liệu địa lý phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống không ảnh, hệ thống bản đồ địa hình và bản đồ chuyên đề, hệ thống cơ sở dữ liệu địa lý phục vụ riêng cho chuyên ngành của mình.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở; hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ địa chính, bản đồ chuyên đề; hệ thống thông tin địa lý và thông tin đất đai phục vụ riêng cho mục đích chuyên dụng trong phạm vi địa phương mình.

Điều 11. Hoạt động đo đạc và bản đồ ở Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc hợp tác với các tổ chức trong nước thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ ở Việt Nam phải có dự án đo đạc và bản đồ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy phép tiến hành đo đạc bản đồ.

2. Sau khi hoàn thành thực hiện dự án đo đạc và bản đồ, chủ đầu tư dự án phải nộp 01 bản sao thành quả cho cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

Điều 12. Trao đổi quốc tế về thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Các loại thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước không được trao đổi với nước ngoài, trong trường hợp cần thiết phải được phép của các cơ quan có thẩm quyền quyết định mức độ bí mật nhà nước được quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức và cá nhân được trao đổi với nước ngoài các loại ấn phẩm bản đồ, thông tin địa lý đã xuất bản.

3. Tổ chức và cá nhân công bố, phổ biến ra nước ngoài thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ không xuất bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

Điều 13. Xuất nhập khẩu sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Các loại sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được xuất bản và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì được xuất khẩu.

2. Việc nhập khẩu các loại sản phẩm đo đạc và bản đồ vào Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin và cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

Điều 14. Quyền sở hữu sản phẩm, thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với sản phẩm thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền được sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước vào sản phẩm của mình theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 15. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ

Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm :

1. Xây dựng hệ quy chiếu quốc gia.

2. Xây dựng hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia.

3. Thành lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia.
4. Thành lập hệ thống không ảnh cơ bản và hệ thống không ảnh chuyên dụng phục vụ quản lý đất đai theo định kỳ.
5. Thành lập, hiện chỉnh, xuất bản và phát hành hệ thống bản đồ địa hình quốc gia cho đất liền và vùng biển, hệ thống bản đồ nền, hệ thống bản đồ hành chính, hệ thống bản đồ địa chính cơ sở, hệ thống bản đồ sử dụng đất, hệ thống bản đồ hành chính thế giới và khu vực, hệ thống bản đồ địa lý tổng hợp, át-lát quốc gia.
6. Thành lập cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đất đai quốc gia.
7. Triển khai nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc.
8. Xây dựng và tổ chức hoạt động của các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, bảo dưỡng thiết bị đo đạc, đảm bảo dẫn xuất chuẩn quốc gia và phù hợp với hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo.

Điều 16. Nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có trách nhiệm :

1. Xây dựng hệ quy chiếu phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
2. Xây dựng hệ thống điểm toạ độ và độ cao cơ sở chuyên ngành phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
3. Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên ngành phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
4. Xây dựng hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ biển và các loại bản đồ chuyên đề khác phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.
5. Triển khai công tác đo đạc - bản đồ phục vụ các hoạt động của lực lượng vũ trang.

Điều 17. Nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Xây dựng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác đo đạc và bản đồ, hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý và quy hoạch xây dựng đô thị - nông thôn, quan trắc biến dạng các công trình, thành lập bản đồ các công trình ngầm dân dụng.
2. Bộ Giao thông vận tải có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác đo đạc phục vụ thi công các công trình xây dựng đường giao thông và các công trình kèm theo, thành lập hệ thống thông tin địa lý quản lý đường giao thông, xây dựng hệ thống đo đạc và bản đồ đảm bảo hàng hải.

3. Bộ Công nghiệp có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác đo đạc và bản đồ phục vụ nghiên cứu địa chất, tìm kiếm, thăm dò các mỏ khoáng sản, thành lập bản đồ và hệ thống thông tin địa chất quốc gia, thành lập bản đồ kinh tế công nghiệp.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ tổ chức triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ điều tra cơ bản, quản lý, dự báo, quy hoạch, khai thác, phát triển tài nguyên kinh tế - xã hội nông, lâm nghiệp và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Bộ Thủy sản có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác đo đạc và bản đồ phục vụ điều tra, quản lý nguồn lợi thủy sản; định vị ngư trường phục vụ đánh bắt cá xa bờ; quy hoạch nuôi trồng thủy sản, hệ thống cảng cá, khu neo đậu và trú bão của tàu thuyền; thành lập hệ thống thông tin địa lý quản lý chuyên ngành thủy sản.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiệm vụ xây dựng hệ thống bản đồ giáo khoa.

7. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ tổ chức dẫn xuất chuẩn đo lường, hệ thống thông tin địa lý phục vụ giám sát và dự báo diễn biến tình trạng môi trường.

8. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác thành lập hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý địa giới hành chính các cấp.

9. Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác thành lập hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý biên giới, đàm phán và hoạch định biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển.

10. Tổng cục Khí tượng Thủy văn có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác thành lập hệ thống bản đồ khí hậu, thời tiết, thủy văn.

Điều 18. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ xây dựng hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng, thành lập hệ thống bản đồ địa chính, thành lập các bản đồ chuyên đề phục vụ các mục đích chuyên dụng, thành lập hệ thống thông tin đất đai và bất động sản của địa phương mình.

Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 19. Xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển dài hạn về đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương, chiến lược phát triển, kế hoạch,

chương trình, mục tiêu, dự án trọng điểm về đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ quản lý đất đai và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương mình, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các Bộ, ngành khác.

Điều 20. Quản lý kế hoạch hàng năm về đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải quản lý kế hoạch hàng năm trên cơ sở dự án được lập theo các quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm tham gia Hội đồng thẩm định các dự án có hạng mục về đo đạc và bản đồ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ các dự án có liên quan đến bí mật quốc phòng, an ninh.

3. Các dự án đo đạc và bản đồ được đầu tư bằng nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ hoặc Sở Địa chính theo phân cấp trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các dự án thuộc phạm vi quốc phòng, an ninh.

Điều 21. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về hệ quy chiếu quốc gia.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành :

a) Quy định về hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia, hệ thống không ảnh cơ bản, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, hệ thống bản đồ nền, hệ thống bản đồ hành chính, hệ thống bản đồ địa lý tổng hợp;

b) Quy định về hệ thống bản đồ địa chính và bản đồ sử dụng đất;

c) Quy định về tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

d) Quy định về tiêu chuẩn công nghệ, thiết bị đo đạc và bản đồ, tiêu chuẩn xây dựng các cơ sở kiểm định, kiểm nghiệm các loại thiết bị đo đạc và bản đồ, phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn công nghệ quốc gia;

đ) Quy định thống nhất về chuẩn dữ liệu, chuẩn công nghệ, chế độ đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu, biện pháp bảo vệ quyền sở hữu dữ liệu thông tin địa lý và thông tin đất đai.

3. Bộ Quốc phòng ban hành :

a) Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

b) Quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này ban hành quy định về tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ chuyên ngành phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ phù hợp với địa phương mình.

Điều 22. Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm :

a) Ban hành và hướng dẫn thực hiện quy chế đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy chế;

c) Xét duyệt nội dung dữ liệu đo đạc, không ảnh, bản đồ được thu, phát giữa mặt đất và các vệ tinh chuyên dụng phục vụ các mục đích dân dụng trước khi cơ quan quản lý nhà nước về bưu điện cấp phép lắp đặt và sử dụng;

d) Kiểm tra việc thực hiện quy chế đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm cấp phép cho các máy bay dân dụng thực hiện các chuyến bay phục vụ mục đích đo đạc và chụp không ảnh trên cơ sở được sự đồng ý của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm :

a) Giám sát việc thực hiện các chuyến bay phục vụ mục đích chụp không ảnh;

b) Quy định về trình tự, thủ tục, cấp phép và giám sát việc thực hiện công tác đo đạc và bản đồ thuộc khu vực quốc phòng, an ninh;

c) Xóa mục tiêu quân sự trên không ảnh trước khi đưa vào sử dụng cho các mục đích dân dụng.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm :

a) Thẩm định khả năng hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ ở địa phương mình và đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Kiểm tra định kỳ việc thực quy chế đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi địa phương mình.

Điều 23. Quản lý xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và đề nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; ấn phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật xuất bản.

Điều 24. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành quy định chung về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; quy định cụ thể về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ phục vụ quản lý đất đai.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này ban hành quy định cụ thể về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành mình.

Điều 25. Quản lý công tác đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính và biên giới quốc gia

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ :

a) Quản lý việc đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ việc phân định, điều chỉnh và giải quyết tranh chấp địa giới hành chính các cấp;

b) Thẩm định việc thể hiện đường địa giới hành chính các cấp tỉnh, huyện, xã lên các loại bản đồ trên cơ sở bộ hồ sơ địa giới hành chính thành lập theo Chỉ thị số 364/CT ngày 06 tháng 11 năm 1991 của Thủ tướng Chính phủ, trong trường hợp những đoạn địa giới hành chính còn đang có tranh chấp thì việc thể hiện những đoạn đó lên bản đồ phải ghi rõ "đoạn địa giới đang có tranh chấp".

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao :

a) Quản lý việc đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ việc đàm phán, hoạch định và phân giới đường biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển;

b) Thẩm định việc thể hiện đường biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam lên các thể loại bản đồ theo hệ thống bản đồ phân giới cắm mốc kèm theo các Hiệp ước quốc tế về biên giới, trong trường hợp đường biên giới chưa được phân giới cắm mốc theo các Hiệp ước quốc tế thì tiến hành thẩm định việc thể hiện đường biên giới quốc gia theo chủ trương của Nhà nước.

c) Việc in ấn phát hành các loại bản đồ, tài liệu có liên quan đến đường biên giới quốc gia trên đất liền, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa Việt Nam.

Điều 26. Hệ thống địa danh trên bản đồ

Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành danh mục địa danh thể hiện trên bản đồ để sử dụng thống nhất trong cả nước theo nguyên tắc :

1. Địa danh các đơn vị hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Địa danh các đối tượng địa lý tự nhiên và xã hội chưa được sử dụng thống nhất thì quyết định trên cơ sở thống nhất ý kiến với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Địa danh quốc tế chưa được sử dụng thống nhất thì quyết định trên cơ sở thống nhất ý kiến với Bộ Ngoại giao.

Điều 27. Quản lý việc bảo mật thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước bao gồm :

a) Loại tối mật : toạ độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm; các loại bản đồ quân sự; tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố;

b) Loại mật do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm :

a) Quyết định độ mật đối với từng loại thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ cụ thể phục vụ mục đích dân dụng thuộc phạm vi bí mật nhà nước dựa trên danh mục bí mật nhà nước thuộc độ tối mật và mật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước đối với thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng;

c) Lập danh mục thay đổi độ mật, giải bí mật nhà nước đối với thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm :

a) Quyết định độ mật đối với từng loại thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ cụ thể phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thuộc phạm vi bí mật nhà nước dựa trên danh mục bí mật nhà nước thuộc độ tối mật và mật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước đối với thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Lập danh mục thay đổi độ mật, giải bí mật nhà nước đối với thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Điều 28. Quản lý việc cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ ban hành các quy định về phân cấp quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ.

2. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ đã xuất bản và không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước thì được phát hành rộng rãi.

3. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ không xuất bản và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có yêu cầu sử dụng.

4. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ loại mật chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của cấp vụ hoặc cấp tương đương.

5. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ loại tối mật chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 29. Thanh tra đo đạc và bản đồ

1. Nhiệm vụ thanh tra đo đạc và bản đồ :

a) Thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có nhiệm vụ tổ chức thanh tra đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng trên phạm vi cả nước;

b) Thanh tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này có nhiệm vụ thanh tra đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi cơ quan mình thực hiện;

c) Thanh tra Sở Địa chính có nhiệm vụ thanh tra đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng do địa phương mình thực hiện.

2. Nội dung thanh tra đo đạc và bản đồ :

a) Thanh tra việc chấp hành các văn bản pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thanh tra về đo đạc và bản đồ theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Giúp Thủ trưởng cùng cấp xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo; kiến nghị với Thủ trưởng cùng cấp biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

3. Quyền của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về đo đạc và bản đồ :

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra;

b) Quyết định tạm thời đình chỉ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước không theo kế hoạch hoặc không theo đúng dự án đã được phê duyệt, gây lãng phí ngân sách hoặc không bảo đảm chất lượng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Nghị định số 404-HĐBT ngày 14 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng về giữ gìn bí mật tài liệu trắc địa - bản đồ và những quy định trước đây của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đo đạc và bản đồ.

Điều 33. Hướng dẫn thi hành

Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 34. Trách nhiệm thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : NN (5), Văn thư.

Phan Văn Khải đã ký